

Số: /2026/NQ-HĐND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026
(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; ...

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (trừ các trường hợp được miễn phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP).

b) Tổ chức thu phí: Thuế tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan thuế trực thuộc.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau

1. Mức thu, đơn vị tính phí:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	tấn	60.000
2	Quặng măn-gan (mangan)	tấn	50.000
3	Quặng vàng	tấn	270.000
4	Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc	tấn	270.000
5	Quặng von-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	tấn	50.000
6	Quặng chì, quặng kẽm	tấn	270.000
7	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	tấn	30.000
8	Quặng khoáng sản kim loại khác	tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá, sỏi	-	
2.1	Sỏi	m ³	9.000
2.2	Đá		
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	90.000
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	6.750
4	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)		
4.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	70.000
4.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	7.500
5	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	70.000
6	Cát vàng	m ³	7.500
7	Các loại cát khác	m ³	6.000
8	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
9	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	45.000
10	Cao lanh	tấn	5.800
11	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	tấn	30.000
12	Than gồm: - Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò - Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên - Than nâu, than mỡ - Than khác	tấn	10.000
13	Cuội, sạn	m ³	9.000
14	Đất làm thạch cao	m ³	3.000
15	Các loại đất khác	m ³	2.000
16	Phen - sò - phát (felspat)	tấn	4.600
17	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
18	Các khoáng sản không kim loại khác	tấn	30.000

2. Các loại khoáng sản chưa được quy định tại khoản 1 Điều này thì áp dụng đơn vị tính và mức thu tối đa theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

3. Mức phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế, bãi bỏ các Nghị quyết sau đây:

a) Thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Bãi bỏ Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo các văn bản quy phạm khác đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa ..., Kỳ họp lần thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang (đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh Tuyên Quang (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH